

## HỢP TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆT NAM - HÀN QUỐC: 25 NĂM NHÌN LẠI (1992 - 2017)

Trần Thị Hợi

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tranhoikls@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/5/2021; ngày hoàn thành phần biên: 01/6/2021; ngày duyệt đăng: 02/11/2021

### TÓM TẮT

Sau hơn 25 năm kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1992, quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc không ngừng được duy trì, củng cố và phát triển trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có hợp tác về văn hóa, giáo dục - cầu nối quan trọng cho tình hữu nghị và sự hợp tác lâu dài của hai quốc gia - dân tộc Việt - Hàn. Bài viết sẽ làm rõ và đánh giá đúng tiến trình hợp tác giáo dục và đào tạo (GDĐT) trong giai đoạn 1992 - 2017 giữa Việt Nam và Hàn Quốc - một trong những đối tác chiến lược hàng đầu của nước ta, qua việc phân tích, luận giải các nội dung: Những nhân tố thúc đẩy hợp tác; các nội dung hợp tác chủ yếu với những thành tựu và vấn đề đặt ra; các giải pháp thúc đẩy hợp tác giữa hai quốc gia trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hàn Quốc, hợp tác giáo dục và đào tạo, Việt Nam.

## 1. NHỮNG NHÂN TỐ THỨC ĐẨY HỢP TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆT NAM - HÀN QUỐC

### 1.1. Về nhân tố bên ngoài

Trước hết, với sự ra đi của Chiến tranh lạnh và sự kết thúc trật tự hai cực Yalta (1989 - 1991) cùng với sự tác động của các nhân tố khác, từ cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, một trật tự thế giới mới đang từng bước hình thành, trong đó, “các nước đang và sẽ chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hoà hoãn, bình thường hoá, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế phù hợp với xu thế hòa dịu trên qui mô thế giới” [6, tr.175]. Điều này tác động thuận lợi đến các mối quan hệ song phương trên các lĩnh vực, trong đó có văn hóa, giáo dục. Thậm chí, việc đẩy mạnh phát triển hợp tác văn hoá, giáo dục ở cấp độ song phương và đa phương đã trở thành nhu cầu hàng đầu của các quốc gia, khu vực trên thế giới và quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc cũng không nằm ngoài xu thế này.

Thứ hai, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KHCN) nói chung (đặc biệt là cách mạng công nghệ 4.0), nền kinh tế tri thức có những bước phát triển mạnh mẽ, tác động đến các mọi quốc gia và để thích nghi với tình hình, các nước lớn nhỏ đều phải điều chỉnh chính sách đối ngoại phù hợp, trong đó hợp tác GDĐT được xem trọng.

Cuộc cách mạng KHCN đã góp phần vào việc thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh mẽ và cùng với giáo dục đã có ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn với sự hình thành nền kinh tế tri thức. Nền kinh tế tri thức xuất hiện đã tác động tích cực trở lại đến giáo dục, trong đó đòi hỏi mỗi người phải luôn bổ sung tri thức mới. Trong thời đại thông tin, *“nền kinh tế tri thức tạo ra những biến đổi rất sâu sắc và nhanh chóng cho nên giáo dục phải nhằm mục tiêu phát triển toàn diện con người một cách bền vững, đòi hỏi và tạo điều kiện cho con người phát triển, coi trọng cá tính và bản lĩnh, phát huy tiềm năng cực kỳ phong phú của con người”* [10]. Và để làm được điều này, mỗi quốc gia không thể chỉ tự phát triển bên trong về GDĐT mà cần phải tăng cường hợp tác quốc tế, khu vực trên lĩnh vực này để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, hỗ trợ và chia sẻ lẫn nhau giữa các bên.

Thứ ba, xu thế hội nhập quốc tế, khu vực về GDĐT của thế giới và châu Á. Toàn cầu hóa về GDĐT, trong đó quan trọng nhất là giáo dục đại học (ĐH) là xu thế khách quan, thiết yếu và sống còn trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Trong một thế giới không ngừng biến đổi, nhiệm vụ của nền giáo dục nói chung, giáo dục ĐH nói riêng là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao để thích ứng, tồn tại và phát triển. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ đó, *“các trường đại học trên thế giới nói chung, châu Á nói riêng cần phải tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau để tiếp cận nền giáo dục đại học hiện đại”* [4, tr.188].

Đối với khu vực Đông Nam Á, các nước ASEAN ngay từ khi thành lập đã luôn chú trọng tăng cường các hoạt động hợp tác về văn hoá, giáo dục trong và ngoài Hiệp hội. Đặc biệt, trong bối cảnh ASEAN đang cố gắng xây dựng Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC) thì vấn đề đẩy mạnh các hoạt động hợp tác về văn hoá, GDĐT lại càng trở nên bức thiết. Mặt khác, trong khi các cường quốc như Trung Quốc, Nhật Bản đã có những bước đi mạnh mẽ trong vấn đề này thì Hàn Quốc cũng không thể *“chậm chân”* được. Việc Hàn Quốc và các nước ASEAN tiến hành ký kết các hiệp định văn hóa, giáo dục đã góp phần tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho hợp tác về GDĐT giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong những thập niên qua.

## **1.2. Về nhân tố bên trong**

Thứ nhất, sự phát triển mạnh mẽ trong quan hệ chính trị - ngoại giao, kinh tế, KHCN... đã tác động tích cực đến sự hợp tác GDĐT Việt Nam - Hàn Quốc trong 25 năm qua (1992 - 2017). Trong khoảng thời gian nói trên, quan hệ hai nước đã phát triển nhanh chóng với hai lần nâng cấp từ quan hệ *“Đối tác toàn diện trong thế kỷ 21”* (2001) lên quan hệ *“Đối tác hợp tác chiến lược”* (2009). Việt Nam coi Hàn Quốc là đối tác quan

trọng hàng đầu trên nhiều lĩnh vực, trong khi Hàn Quốc cũng đặt Việt Nam là đối tác trọng điểm trong chính sách Hướng Nam mới của quốc gia.

Thứ hai, sự tương đồng về mặt địa lý, lịch sử và văn hóa giữa Việt Nam - Hàn Quốc là nhân tố thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng về hợp tác GDĐT của hai nước. Về mặt địa lý, Việt Nam, Hàn Quốc đều ở vị trí bán đảo nối liền với đại lục và nhìn ra đại dương đã *“tạo ra nhiều điều kiện địa - văn hoá gần gũi của hai nước, tuy khí hậu nhiệt đới và ôn đới khác nhau”* [3, tr.3]. Về mặt lịch sử, từ khá sớm trên đất Việt Nam, Hàn Quốc đã có con người cư trú, đã xuất hiện những nhà nước cổ xưa nhất khu vực. Mặt khác, hai nước đã nhiều lần phải đương đầu với họa xâm lược của nhiều thế lực hùng mạnh. Lịch sử chống ngoại xâm đã hun đúc nên tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc sâu sắc của nhân dân mỗi nước. Trải qua những năm tháng gian khổ, Việt Nam và Hàn Quốc đã tái thiết đất nước trên nền đổ nát của chiến tranh. Những sự tương đồng đó dễ tạo nên sự cảm thông, chia sẻ cho dẫu hai nước đã từng có một *“quá khứ không vui”* trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) do tác động rất lớn của nhân tố Mỹ.

Về mặt văn hóa, hai nước cùng nổi văn minh nông nghiệp lúa nước của văn hóa Đông Á. Trên nền tảng nông nghiệp trồng lúa, cơ cấu xã hội, tổ chức xóm làng, gia đình của hai nước cũng có nhiều nét tương đồng. Là cư dân nông nghiệp, hai nước đều chú ý đến nguồn nước, sống hòa mình vào thiên nhiên, thích ăn rau củ, thủy sản, dùng đũa để ăn. Ngoài ra, những nét tương đồng trong văn hóa Việt - Hàn còn được thể hiện qua nội dung của các lễ hội truyền thống... Việt Nam và Hàn Quốc cùng nằm trong khu vực ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và cùng tiếp nhận ảnh hưởng của nền văn hóa này khá sớm, liên tục và khá sâu sắc, thể hiện trên nhiều phương diện, khía cạnh của đời sống xã hội từ xa xưa cho đến nay. Tuy nhiên, *“trên cơ sở một cội nguồn văn hóa bản địa bền vững, những yếu tố ngoại nhập đều phải thích nghi, kết hợp với điều kiện nội sinh, làm phong phú nền văn hóa dân tộc và nâng cao bản sắc dân tộc”* [3, tr.3] và Việt Nam, Hàn Quốc đều làm được điều đó, thể hiện qua quá trình *“tiếp biến”* văn hóa liên quan đến Tam giáo, khoa cử, ngôn ngữ, chữ viết...

## 2. THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆT NAM - HÀN QUỐC (1992 - 2017)

Hàn Quốc đã ký với Việt Nam Hiệp định Hợp tác Giáo dục vào tháng 3 năm 2000 và Hiệp định Hợp tác GDĐT vào tháng 5 năm 2005. Đây như là một bước phát triển cụ thể hơn của những nội dung hợp tác GDĐT mà hai bên đã thực hiện, đồng thời tiếp tục củng cố cơ sở pháp lý cho việc tăng cường hơn nữa sự hợp tác trên lĩnh vực này giữa hai nước.

## **2.1. Tăng cường và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật**

Triển khai thực hiện các văn bản đã ký kết, những năm qua, Hàn Quốc đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng 40 trường tiểu học tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa; nâng cấp Trường trung học Công nghiệp Hà Nội; xây dựng Trường Kỹ thuật công nghiệp Việt - Hàn và Trường Kỹ thuật cơ điện Quy Nhơn. Hàn Quốc cũng đã hỗ trợ đầu tư xây dựng mạng lưới máy tính tại Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXHNV) thuộc ĐH Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Hợp tác Công nghệ Việt - Hàn, Phòng thí nghiệm an toàn điện...

Chính phủ và nhiều trường đại học, các tổ chức của Hàn Quốc tài trợ nhiều dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng giáo dục Việt Nam như: Dự án xây dựng trường tiểu học, dạy nghề ở miền Trung. Các quỹ học bổng như Korea Foundation, Samsung... cung cấp nhiều suất học bổng để hỗ trợ các học sinh vượt khó ở Việt Nam, đào tạo nâng cao trình độ về ngôn ngữ và chuyên môn tại Hàn Quốc [7, tr.76].

Thông qua các dự án hợp tác về KHCN, Hàn Quốc đã chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học - kỹ thuật (KHKT) vào giáo dục. Nhiều tổ chức của Hàn Quốc đã tích cực giúp đỡ Việt Nam trong việc nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục. Hội Hữu nghị Văn hóa Thanh thiếu niên Hàn - Việt (KOVEX) đã hỗ trợ giúp đào tạo nghề chủ yếu là con lai Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp đến là Quỹ Phúc lợi Jung Hae Hàn Quốc và Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Dạy nghề Thủ Đức có chương trình hợp tác xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo nghề cho con lai Hàn Quốc cùng các trẻ em nghèo Việt Nam tại địa phương.

## **2.2. Thiết lập các quỹ học bổng, trao đổi học giả**

Bắt đầu từ năm 1994, Quỹ Giao lưu Hàn Quốc (KF) hàng năm đều có chương trình cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam đi nghiên cứu và học tiếng Hàn Quốc. Năm 1994, Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp 2 học bổng cho sinh viên Việt Nam đi học chương trình Master theo chuyên ngành do phía Việt Nam tự chọn. Từ năm 1998, do Hàn Quốc đang đứng trong đỉnh điểm của khủng hoảng kinh tế, tài chính - tiền tệ, chương trình học bổng này bị gián đoạn nhưng lại nhanh chóng được khôi phục vào năm 1999 với 3 học bổng sau đại học và vào đầu năm 2000 với 4 học bổng.

Đầu năm 2002, một số trường ĐH của Hàn Quốc và Việt Nam đã thực hiện “*Quy chế công nhận điểm lẫn nhau*”, điển hình là việc Trường ĐH Ngoại ngữ Pusan bắt đầu thực thi quy chế học vị hai trường (Double Degree) với Trường ĐH KHXHNV Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, sinh viên hai trường này học 2 năm 4 học kỳ tại trường mình rồi sang học tiếp 2 năm 4 học kỳ còn lại ở trường kia, sau đó hai trường đều trao học vị (bằng cử nhân) cho từng sinh viên theo học.

Ngoài học bổng của các trường ĐH, nhiều Giáo sư Hàn Quốc đã dành những suất học bổng riêng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ nên số lượng sinh viên đến du học ở Hàn

Quốc ngày một tăng. Bên cạnh hình thức nhận học bổng từ phía Hàn Quốc, nhiều sinh viên Việt Nam đã đến Hàn Quốc du học bằng kinh phí tự túc. Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu cử lưu học sinh học bổng nhà nước sang Việt Nam từ năm 1994. Về phía Chính phủ Việt Nam cũng đã ban hành quy chế dùng quỹ học bổng nhà nước để đào tạo sinh viên nước ngoài. Năm 2002 là năm đầu tiên Việt Nam đào tạo cho 3 sinh viên Hàn Quốc bằng học bổng Nhà nước tại Hà Nội, cũng trong năm này đã có 20 sinh viên của Trường ĐH Ngoại ngữ Pusan theo học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vấn đề trao đổi chuyên gia, chuyên viên, sinh viên, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) đóng vai trò quan trọng. Từ năm 1991 - 2001, KOICA đã cử tổng cộng 28 chuyên viên, 2 giáo viên Taekwondo, 1.042 thực tập sinh và 76 tình nguyện viên sang Việt Nam. Từ năm 1991 - 2007, KOICA đã mời tổng số 2.100 người Việt Nam sang Hàn Quốc, chia sẻ kinh nghiệm phát triển của Hàn Quốc, đào tạo nguồn nhân lực giỏi cho Việt Nam. Bên cạnh đó, chương trình trao đổi học giả còn được thực hiện bởi Quỹ Nghiên cứu nâng cao Hàn Quốc (KFAS) dưới sự tài trợ của SK và một số nhà tài trợ Hàn Quốc khác. Chương trình này bắt đầu được thực hiện từ năm 2000, dành cho các học giả đến từ các nước châu Á (không kể Nhật Bản). KFAS có văn phòng đại diện tại Việt Nam, đặt tại ĐH Quốc gia Hà Nội, mỗi năm dành cho Việt Nam 4 suất tài trợ nghiên cứu [8, tr.61].

### **2.3. Tăng cường giao lưu hợp tác giữa các trường đại học**

Từ năm 1990 - 1991, ĐH Ngoại Ngữ Hàn Quốc đã kết nghĩa với hai trường thuộc hai ĐH Quốc gia là ĐH KHXHNV Hà Nội và ĐH KHXHNV Thành phố Hồ Chí Minh. Từ thời điểm đó cho đến năm 2017, nhiều trường đại học của Việt Nam đã xúc tiến việc kết nghĩa và tăng cường giao lưu, hợp tác với các trường ĐH của Hàn Quốc. Trong đó, ĐH Ngoại ngữ Sungshim đã kết nghĩa với ba trường ĐH lớn của Việt Nam là ĐH Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 12 năm 1995), ĐH KHXHNV Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 7 năm 1998) và ĐH Sư phạm Hà Nội (tháng 4 năm 1999). Khoa Lịch sử của Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế tăng cường giao lưu, hợp tác với Khoa Lịch sử của ĐH Inha - Hàn Quốc từ năm 2008; Khoa Đông phương học của Trường ĐH Lạc Hồng với ĐH Gachon từ năm 2013; Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu và ĐH Quốc gia Hankyong từ năm 2015; Trường ĐH Nguyễn Trãi với ĐH Deajin, ĐH KyungIL, ĐH Kyungdong, ĐH Sunmoon... từ năm 2017.

Ngoài việc trao đổi giảng viên, sinh viên, liên kết đào tạo, giao lưu văn hóa văn nghệ, các khóa bồi dưỡng ngôn ngữ và văn hóa ngắn hạn..., một số hoạt động chuyên môn mang tính học thuật như các hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học giữa các trường đã được tổ chức tại Việt Nam hoặc Hàn Quốc.

## **2.4. Đẩy mạnh phát triển ngành Việt Nam học và Hàn Quốc học ở hai nước**

Sau khi Hàn Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (năm 1992), xuất phát từ việc nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam nên nhu cầu phiên dịch viên thông thạo tiếng Việt ngày càng gia tăng. Năm 1992, Khoa tiếng Việt của Trường ĐH Ngoại ngữ Pusan có 40 sinh viên theo học. Trường ĐH chuyên ngữ Sung Sim (1994) có 60 - 80 sinh viên, Trường ĐH Công nghiệp Chyong Un (1998) và ĐH Liên hiệp Thần học châu Á (1998) đều có 40 sinh viên.

Bên cạnh các trường đại học có khoa đào tạo tiếng Việt, một số trường khác cũng có bộ phận nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam như Khoa Đông Nam Á học, Trường Cao học Khu vực Quốc tế (thuộc ĐH Ngoại ngữ Hàn Quốc), Khoa Lịch sử phương Đông của Trường Cao học - ĐH Quốc gia Seoul. ĐH Ngoại ngữ Pusan có Hội Hàn Quốc nghiên cứu Việt Nam được thành lập vào tháng 12 năm 1999, có hơn 70 thành viên với các hoạt động chính như công bố những công trình nghiên cứu về Việt Nam, tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, xuất bản tạp chí "*Nghiên cứu Việt Nam*"... Ngoài ra, Trung tâm Nghiên cứu Đông - Tây rất chú trọng nghiên cứu kinh tế Việt Nam. Viện Nghiên cứu Chính sách Kinh tế Đối ngoại của Hàn Quốc (KIEP) cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu về kinh tế Việt Nam với một số công trình được đánh giá cao.

Việt Nam và Hàn Quốc tăng cường hợp tác giáo dục thông qua các chương trình giảng dạy tiếng Hàn ở Việt Nam cũng như nhiều lưu học sinh Việt Nam đã tốt nghiệp đại học, cao học và tiến sĩ tại Hàn Quốc. Trước năm 1975, việc học tiếng Hàn chủ yếu bằng con đường du học sang CHDCND Triều Tiên. Nhưng sau khi hai nước thiết lập mối quan hệ ngoại giao (1992), từ năm 1994, ngành Hàn Quốc học đã được xây dựng và phát triển.

Đối với Việt Nam, việc phát triển ngành Hàn Quốc học giúp cho quan hệ giao lưu và hợp tác về văn hoá - khoa học giữa hai nước Việt - Hàn ngày càng phát triển. Trong năm học 1992 - 1993, Khoa Ngữ Văn thuộc Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường ĐH KHXHNV Hà Nội) chính thức mở chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc với thời gian đào tạo là 2 năm. Năm 1993, Trường tiếp tục mở chuyên ngành Hàn Quốc học thuộc Khoa Đông phương học, còn Trung tâm Văn hoá và Đào tạo tiếng Hàn cũng được mở tại Trường ĐH Sư phạm, ĐH Quốc gia Hà Nội nhằm phục vụ cho sinh viên Ngữ Văn và một số người quan tâm đến Hàn Quốc.

Ngoài ra, Ban Nghiên cứu Hàn Quốc học cũng được Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á (thuộc Viện KHXH Việt Nam) thành lập vào ngày 23 tháng 2 năm 1998; tiếp đến là Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc của Trường ĐH KHXHNV Hà Nội (2006); Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc của Trường ĐH KHXHNV Thành phố Hồ Chí Minh (2008) [2, tr.50].

Một trung tâm đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học nổi tiếng khác của Việt Nam là Trường ĐH KHCHNV Thành phố Hồ Chí Minh với Bộ môn Hàn Quốc học (thành lập năm 1994) thuộc Khoa Đông phương học. Ngày 20 tháng 1 năm 2015, Giám đốc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã ký Quyết định nâng cấp Bộ môn Hàn Quốc học thành Khoa Hàn Quốc học trực thuộc Trường ĐH KHCHNV. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa có 24 người, trong đó 91,7% có trình độ thạc sĩ trở lên (1 Phó giáo sư tiến sĩ, 2 tiến sĩ, 20 thạc sĩ) [9].

Ngoài hai trường ĐH KHCHNV ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học, các cơ sở đào tạo tiếng Hàn Quốc học khác ở Việt Nam có thể kể là: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội (thành lập năm 1995); Khoa Hàn Quốc học, ĐH Quốc tế Hồng Bàng Thành phố Hồ Chí Minh (1995); Ngành Hàn Quốc học Khoa Đông phương học, Trường ĐH Lạc Hồng (2003); Chuyên ngành Hàn Quốc học thuộc Khoa Đông phương học Trường ĐH Đà Lạt (2005); Khoa Hàn Quốc học, Trường ĐH Ngoại ngữ Hà Nội (2006); Ngành Hàn Quốc học, Trường Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn (2007); Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, ĐH Ngoại ngữ Huế (2009)... [9].

Thêm vào đó, từ năm 2008, các trung tâm Hàn ngữ Sejong cũng liên tiếp được thành lập ở Việt Nam. Đó là Trung tâm Hàn ngữ Sejong tại Trường ĐH KHCHNV Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Hàn ngữ Sejong Hà Nội 1 tại Trường ĐH KHCHNV Hà Nội; Trung tâm Sejong Hà Nội 2 tại Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội; Trung tâm Hàn ngữ Sejong tại Trường ĐH Đà Lạt và Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Hà Nội. Trung tâm Hàn ngữ Sejong là những cơ sở dạy tiếng Hàn ở Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc gia Hàn Quốc. Toàn bộ chương trình, giáo trình, đề thi, chấm thi và chứng chỉ sau mỗi cấp học cho học viên đều do ĐH Chosun Hàn Quốc đảm nhiệm. Đây là những địa chỉ sẵn sàng đón nhận những người yêu mến tiếng Hàn mà không có cơ hội học tập ở các trường ĐH có bộ môn tiếng Hàn [1, tr.22].

Một điều đáng chú ý là trong việc phát triển ngành Hàn Quốc học ở Việt Nam có sự hỗ trợ lớn từ phía nước bạn, trong đó KOICA và Quỹ Giao lưu Quốc tế Hàn Quốc (KF) đóng vai trò quan trọng. Ngoài ra, một số doanh nghiệp như Samsung, Kum Ho, LG, Ngân hàng Han II... cũng tham gia tài trợ cho việc phát triển Hàn Quốc học tại Việt Nam. Năm 1996, Tập đoàn Samsung đã đưa 1 triệu USD vào KF nhằm mục đích trao đổi văn hoá Hàn - Việt.

## 2.5. Về hợp tác khoa học và công nghệ liên quan đến giáo dục và đào tạo

Song song với hợp tác về GDĐT, hợp tác KHCHNV liên quan đến GDĐT giữa hai nước Việt Nam - Hàn Quốc cũng có những bước phát triển nhanh kể từ khi Hiệp định Hợp tác KHCHNV giữa hai chính phủ được ký kết tại Seoul (tháng 4 năm 1995).

Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội là một trong những trường có hoạt động hợp tác về KHCN cũng như GDĐT khá sớm với các trường đại học và viện nghiên cứu Hàn Quốc. Khởi đầu là các đề tài hợp tác song phương của Trường với một số trường bạn trong các lĩnh vực khoa học cơ bản như Vật lý, Sinh học, Hoá học và một số ngành công nghệ mới như Công nghệ Sinh học, Công nghệ Môi trường. Từ đầu năm 1997, các nhà khoa học thuộc Khoa Vật lý của Trường đã phối hợp với các chuyên gia của ĐH Chonbuk thực hiện những nghiên cứu khoa học đầu tiên về quang tử và khoa học vật liệu, tiếp đến là công nghệ hoá học, công nghệ phân tử và tế bào, công nghệ enzym-protein, vật lý nhiệt độ thấp, công nghệ môi trường và chiết xuất nấm Linh chi cùng một số dược liệu khác...

Đến năm 2002, Trường đã có quan hệ hợp tác với nhiều đối tác tầm cỡ của Hàn Quốc như Viện KHCN Hàn Quốc (KIST), Viện K-JIST, ĐH KHCN Pohang, các trường ĐH Chonbuk, Sunmoon, Inje, Seoul, Myongji... Trong đó hàng năm Trường đã gửi nhiều nhà khoa học, sinh viên của Trường sang Hàn Quốc nghiên cứu, học tập, đồng thời đón nhận nhiều nhà khoa học, sinh viên của các trường, viện nước bạn sang phối hợp thực hiện nghiên cứu, tham dự hội thảo quốc tế chuyên ngành...

Cùng với Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội cũng có những hoạt động tích cực trong hợp tác KHCN. Một trong những thành quả đáng ghi nhận của Trường là đã hợp tác với Viện KIST thành lập Trung tâm Hợp tác Công nghệ Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc (KITECH HUT) được Chính phủ Hàn Quốc tài trợ.

Cuối năm 2009, được sự hỗ trợ của Viện KHCN Việt Nam và sự hợp tác từ các nhà khoa học của ĐH Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, Viện Vật lý đã tổ chức "*Hội thảo Việt Nam - Hàn Quốc về Quang tử tiên tiến*". Các nhà khoa học đã trình bày báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHCN quang tử và các ứng dụng của chúng. Các nhà khoa học của ĐH Quốc gia Seoul đề nghị phối hợp với Viện KHCN Việt Nam và Viện Vật lý để tiếp tục tổ chức Hội thảo Việt Nam - Hàn Quốc về Quang tử tiên tiến vào các năm sau, lần lượt tại Việt Nam và Hàn Quốc, nhằm phát triển các hình thức hợp tác giữa hai bên trong nghiên cứu và phát triển (R&D) KHCN và đào tạo.

Để xúc tiến các hoạt động nghiên cứu khoa học, như đã trình bày, bên cạnh các cơ sở đào tạo Hàn Quốc học ở mỗi bên, các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu đã ra đời. Đó là Ban Nghiên cứu Hàn Quốc học thuộc Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á (thuộc Viện KHXH Việt Nam); Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc của ĐH KHXHNV, ĐH Quốc gia Hà Nội; Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc của Trường ĐH KHXHNV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các cuộc toạ đàm, hội thảo khoa học giữa hai nước thường xuyên được tổ chức ở nhiều cơ sở trong nước, trong đó phần lớn được diễn ra ở các trường có đào tạo Hàn



Quốc học. Năm 1994, Trường ĐH KHXHNV Hà Nội đã tổ chức Hội thảo khoa học *"Những vấn đề văn hoá Việt Nam - Hàn Quốc"*, với 42 báo cáo tham luận đề cập đến các vấn đề văn hoá giữa hai nước. Năm 1996, Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ 2 với tiêu đề: *"Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Việt Nam - Hàn Quốc"* với 36 báo cáo tham luận khoa học. Năm 1998, Khoa Đông phương học, Trường ĐH KHXHNV Hà Nội tổ chức Hội thảo *"Nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Hàn"* đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học đến từ nhiều cơ sở nghiên cứu và đào tạo ở Việt Nam và Hàn Quốc.

Tiếp theo năm 2000, Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo với tiêu đề *"Văn hoá Việt Nam - Hàn Quốc trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá"*. Năm 2001, Khoa Đông phương học, Trường ĐH KHXHNV Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế với tiêu đề: *"Các vấn đề ngôn ngữ, văn hoá và xã hội Hàn Quốc"* do KF tài trợ. Năm 2008, Trường ĐH KHXHNV Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á đã phối hợp tổ chức Hội thảo quốc tế *Hàn Quốc học khu vực châu Á - Thái Bình Dương* lần thứ 9 tại Hà Nội.

Năm 2012, Bộ môn Hàn Quốc học - Khoa Đông phương học, Trường ĐH KHXHNV Hà Nội tổ chức Hội thảo tiêu đề: *"Ngành Hàn Quốc học ở Việt Nam 20 năm giảng dạy và nghiên cứu"* do Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu châu Á, ĐH Quốc gia Hà Nội và Quỹ Giáo dục Cao học Hàn Quốc tài trợ [9]. Năm 2014, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam và Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương đã tổ chức Hội thảo *"Nghiên cứu Hàn Quốc tại Việt Nam: thành quả và phương hướng"*. Năm 2017, Trường ĐH Hà Nội kết hợp với Hội Nghiên cứu Khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề *"Giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Hàn Quốc và nghiên cứu Hàn Quốc học tại Việt Nam"* dưới sự tài trợ của Quỹ KF...

### 3. THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

#### 3.1. Thành tựu

Hợp tác về GDĐT là lĩnh vực được hai bên hết sức quan tâm, góp phần tích cực vào việc tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc, thực sự là cầu nối không thể thiếu cho sự phát triển của các quan hệ hợp tác khác.

Về phía Việt Nam, hợp tác GDĐT Việt Nam - Hàn Quốc đã đóng góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GDĐT ở một số trường học, trung tâm, viện nghiên cứu của Việt Nam thông qua việc tăng cường, nâng cấp các cơ sở vật chất - kỹ thuật; các quỹ học bổng mang tính hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực đa dạng từ chuyên gia, chuyên viên đến lao động tay nghề cao... Thông qua các hình thức hợp tác đa dạng và hiện đại giữa hai nước như trao đổi tài liệu thông tin, nghiên cứu trao đổi kinh nghiệm, giảng bài, tổ chức tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học quy mô, tầm cỡ quốc tế; hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc tạo điều kiện giúp Việt Nam hội nhập với quốc tế và

khu vực về GDĐT bởi hiện nay Hàn Quốc là một trong những nước có nền giáo dục tiên tiến nhất thế giới. Hợp tác hai nước còn tạo cơ hội để Việt Nam nâng cao hoạt động KHCN, đẩy mạnh công tác R&D, phục vụ đắc lực cho quá trình phát triển kinh tế cũng như giúp cho Việt Nam tham khảo, vận dụng những kinh nghiệm quý báu về phát triển GDĐT của Hàn Quốc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về phía Hàn Quốc, hợp tác GDĐT Việt Nam - Hàn Quốc giúp cho Hàn Quốc có một đội ngũ chuyên gia, chuyên viên am hiểu về nhiều mặt từ lịch sử, văn hóa đến kinh tế, xã hội, luật pháp, thể chế... là nguồn lực quan trọng, cần thiết trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước. Ngoài ra, hợp tác hai nước tạo điều kiện để Hàn Quốc khẳng định thêm vị thế, vai trò của một nước tiên tiến về giáo dục thông qua việc giúp đỡ nhiều mặt cho Việt Nam trong lĩnh vực này, qua đó góp phần lan tỏa, quảng bá "*thương hiệu*" Hàn Quốc - một đối tác tin cậy đến các quốc gia ở Đông Nam Á.

### **3.2. Vấn đề đặt ra**

Mặc dầu đã có nhiều chính sách tích cực dành cho Việt Nam tuy nhiên cho đến nay Hàn Quốc vẫn chưa phải là "*điểm đến*" lý tưởng cho học sinh, sinh viên Việt Nam, nhất là những đối tượng theo con đường du học tự túc. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết do Việt Nam còn nghèo nên việc cho con em đi học ở nước ngoài là một điều khó khăn. Đặc biệt, để theo học ở Hàn Quốc, lưu học sinh khi làm thủ tục xuất nhập cảnh "*phải xuất trình bản sao giấy chứng nhận tài khoản 10.000 dollar gửi ngân hàng, nhưng đây là gánh nặng đối với học sinh Việt Nam*". Hai là, vấn đề mở rộng quỹ học bổng nhà nước còn khá hạn chế. Ba là, ở Hàn Quốc số lượng trường tư nhân chiếm số lượng áp đảo trường công lập. Theo đó, để hoạt động, nhà trường phải dùng tiền học phí của sinh viên làm nguồn chính, vì vậy việc cấp học bổng cho sinh viên nước ngoài nếu có cũng thường rất ít. Bốn là, lưu học sinh ở Hàn Quốc phải tuân thủ nhiều quy chế pháp lý không thể tìm được công việc, việc làm thêm cũng rất hạn chế gây áp lực cho lưu học sinh Việt Nam muốn vừa học, vừa lao động để kiếm tiền ăn học.

Tuy việc kết nghĩa và hợp tác giữa các trường ĐH đang ngày càng phát triển, nhưng bên cạnh "*những trường hợp có quan hệ hợp tác thật sự*" vẫn tồn tại những trường hợp "*việc giao lưu đào tạo không có hiệu quả*" do "*các trường ĐH Hàn Quốc nặng về hỗ trợ cho các trường ĐH phía Việt Nam*". Chẳng hạn, trong lĩnh vực hợp tác KHCN liên quan đến GDĐT vẫn còn những hạn chế ở các phương diện KHKT chủ đạo, tổ chức công tác, tích lũy tri thức, đào tạo bổ sung lực lượng nghiên cứu viên xuất sắc.

Sự bất đồng ngôn ngữ cũng đặt ra những thách thức đòi hỏi phải được giải quyết. Hiện nay, tiếng Anh được xem là ngôn ngữ quốc tế nên trong các phiên họp hội thảo quốc tế đều được tiến hành bằng tiếng Anh, các bài báo học thuật cũng được phát hành bằng tiếng Anh. Do đó, có khi cả người Việt và người Hàn cần trao đổi với nhau phải qua thông dịch viên mà trên thực tế cách trao đổi như thế khó đạt hiệu quả cao.

Chính vì vậy, việc bồi dưỡng cho các chuyên gia tiếng Anh và tiếng Hàn (phía Việt Nam) cùng tiếng Anh và tiếng Việt (phía Hàn Quốc) là thực sự cấp thiết.

### 3.3. Một số giải pháp

Về phía Việt Nam cần đàm phán và ký kết Hiệp định về vấn đề tương đương văn bằng giáo dục giữa hai nước. Thúc đẩy hơn nữa các mối quan hệ và sự ủng hộ nhiều mặt của các tổ chức phi chính phủ, các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp và cá nhân người Hàn Quốc dành cho ngành và các cơ sở, đơn vị GDĐT của Việt Nam bên cạnh tiếp tục mở rộng quan hệ với chính phủ Hàn Quốc. Triển khai mạnh mẽ hơn nữa việc thực hiện dự án cử công dân Việt Nam đi đào tạo tại Hàn Quốc theo đề án đào tạo cán bộ KHKT ở Hàn Quốc bằng ngân sách nhà nước; phê duyệt cho phép thực hiện giữa các cơ sở đào tạo đại học hai nước về việc đào tạo cán bộ, sinh viên Việt Nam với kinh phí do phía Việt Nam cấp; tạo điều kiện cho phép các cơ sở giáo dục của Hàn Quốc có đủ điều kiện cần thiết mở các văn phòng đại diện, cơ sở liên kết đào tạo.

Cần hướng các hợp tác song phương giữa các trường đại học đi vào chiều rộng lẫn chiều sâu để đem lại hiệu quả thiết thực, không chỉ mang tính hỗ trợ một chiều từ phía nước bạn. Chú trọng đưa lưu học sinh theo học các chương trình ĐH, sau ĐH về các ngành thế mạnh của Hàn Quốc và rất cần cho sự nghiệp phát triển của Việt Nam như công nghệ thông tin, quang điện tử, vi điện tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới,... và mở rộng phạm vi số trường ĐH nhận đào tạo lưu học sinh Việt Nam.

Tăng cường việc học tiếng Hàn và tiếng Anh để thuận tiện hơn trong việc trao đổi trực tiếp các nội dung liên quan hợp tác giữa hai nước. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị hữu trách cần có những cơ chế, chính sách ưu đãi cho các lưu học sinh, chuyên gia, chuyên viên Hàn Quốc sang học tập, nghiên cứu tại Việt Nam nhằm thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Về phía Hàn Quốc cần có những chính sách cụ thể nhằm đẩy mạnh hợp tác giữa hai nước như: Tăng số lượng học bổng của chính phủ đối với lưu học sinh Việt Nam dành cho việc học tiếng Hàn, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia các buổi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn. Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo tại Hàn Quốc về các chủ đề liên quan đến sự phát triển quan hệ hợp tác Việt - Hàn. Tiếp tục hỗ trợ công tác đào tạo tiếng Hàn và nghiên cứu về Hàn Quốc tại các trường ĐH, viện, trung tâm nghiên cứu ở Việt Nam. Có cơ chế ưu đãi hơn đối với các lưu học sinh Việt Nam như tăng tiền học bổng được cấp, giảm kinh phí đào tạo du học tự túc, cho phép lưu học sinh làm thêm ngoài giờ học để trang trải thêm kinh phí học tập.

#### **4. KẾT LUẬN**

Hợp tác GDĐT Việt Nam - Hàn Quốc là một bộ phận cấu thành và hết sức quan trọng của quan hệ hai nước trong giai đoạn 1992 - 2017. Sau hơn hai thập niên kể từ thời điểm đáng nhớ năm 1992, hợp tác trên lĩnh vực này đã có những bước phát triển nhanh chóng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, thể hiện trên nhiều hoạt động thiết thực. Và mặc dù còn những hạn chế khó lòng tránh khỏi trong quá trình hợp tác song những thành quả to lớn mà hai nước đã đạt được trong quá trình này đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển GDĐT, sự hiểu biết và sự xích lại gần nhau hơn giữa hai quốc gia - dân tộc. Có được điều này là do hai nước có nhiều điểm tương đồng, gần gũi, lại cùng chia sẻ nhận thức về sự cần thiết của nhu cầu phát triển hợp tác GDĐT trong hiện tại và cả tương lai cũng như do những cơ hội thuận lợi, tác động thuận chiều của bối cảnh lịch sử mới sau Chiến tranh lạnh mà cả hai nước đã biết tận dụng.

#### **LỜI CẢM ƠN**

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến PGS.TS Hoàng Văn Hiến, GVCC Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế - người đã gợi mở vấn đề nghiên cứu và giúp đỡ về mặt tư liệu để tôi có thể hoàn thành bài viết này.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Lý Xuân Chung (2013). Những chính sách của Hàn Quốc làm gia tăng quyền lực mềm, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 10 (152), tr. 22 - 29.
- [2]. Nguyễn Văn Dương (2009). Quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục từ năm 1992 đến nay, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 12, tr.45 - 51.
- [3]. *Hàn Quốc - Lịch sử và văn hóa* (1995), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hoang Van Hien - Nguyen Van Tuan (2020), Cooperation between the Univesity of Sciences, Hue Univerisry and Japanese Patners: Achieved Results and Posed problems, Proceeding the International Conference on Higher Education in Vietnam and Asia: Similarities and Possibilities of Cooperation, The University of Danang - University of Science and Education - Social Science Publing House, Hanoi.
- [5]. Hoàng Văn Hiến (2004). *Quan hệ kinh tế và hợp tác giáo dục - đào tạo của Việt Nam - Hàn Quốc (1992 - 2002)*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
- [6]. Hoàng Văn Hiến (cb) - Nguyễn Việt Thảo (2006). *Lịch sử quan hệ quốc tế 1945 - 1995*, Nxb. Đà Nẵng.
- [7]. Nguyễn Cảnh Huệ (2016). Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc từ 1992 đến nay thành tựu và vấn đề đặt ra, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5, tr. 75 - 82.

- [8]. Phạm Thị Thanh (2017). “Chính sách hợp tác văn hóa của Hàn Quốc với Việt Nam từ năm 1994 đến nay”, Luận văn Thạc sĩ Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9]. Lê Đình Chinh (2015). “Quyền lực mềm của văn hóa Hàn Quốc - Hallyu ở Việt Nam và những ảnh hưởng của nó”, website: <http://dongphuonghoc.org/article/245/quyen-luc-mem-cua-van-hoa-han-quoc-hanllyu-o-viet-nam-va-anh-huong-cua-no.html>
- [10]. Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử (2019). Vai trò của giáo dục đối với nền kinh tế tri thức và xu hướng hội nhập, website: <http://tailieu.ttbdc.gov.vn:8080/index.php/tin-tuc/tin-tuc-ho-tro-boi-duong/item/1508-vai-tro-c-a-giao-d-c-d-i-v-i-n-n-kinh-t-tri-th-c-va-xu-hu-ng-h-i-nh-p>

## VIETNAM - KOREA EDUCATION AND TRAINING COOPERATION: 25 YEARS LOOKING BACK (1992 - 2017)

**Tran Thi Hoi**

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: tranhoikls@gmail.com

### ABSTRACT

After 25 years since the establishment of diplomatic relations in 1992, the relationship between Vietnam and Korea has been constantly maintained, consolidated and developed in all fields, including cultural - educational cooperation - an important bridge for friendship and long - term cooperation between the two nations. The article will clarify and properly evaluate the progress of education and training cooperation in the period 1992 - 2017 between Vietnam and Korea, one of the leading strategic partners of our country, through analyzing and discussing these contents: Factors promoting cooperation; key cooperation contents with achievement and problems, solutions to promote cooperation between the two countries in the next time.

**Keywords:** education and training cooperation, Korea, Vietnam.



**Trần Thị Hối** sinh ngày 14 tháng 12 năm 1984 tại Nghệ An. Năm 2007, bà tốt nghiệp Cử nhân Lịch sử tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2010, bà tốt nghiệp thạc sỹ Lịch sử Thế giới tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2021, bà tốt nghiệp bằng 2 Cử nhân Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Hiện nay, bà công tác tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Lịch sử phương Đông, Các di sản thế giới ở phương Đông, Hệ thống chính trị các nước phương Đông, Các cuộc cải cách ở Nhật Bản và Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Lịch sử Hàn Quốc, Các di sản thế giới ở Hàn Quốc, Lịch sử Trung Quốc, Kinh tế và đối ngoại Trung Quốc thời hiện đại, Văn hoá và xã hội Trung Quốc hiện đại, Địa lý du lịch Trung Quốc, người Hoa ở châu Á.